

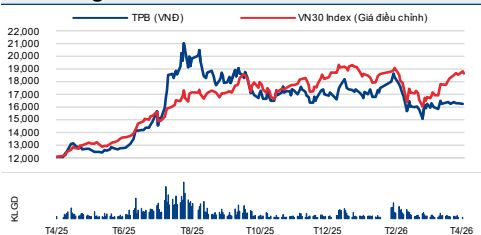
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ20,000
Tiềm năng tăng/giảm: 23.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	16,250
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,074-21,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,250
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	45,078
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,710
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,774
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	832
Sig CP NN được mua (tr.đv)	147
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.7%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	505,871	562,149	630,679
Dư nợ cho vay (ntđ)	306,922	352,805	405,570
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	18,978	22,080	25,349
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,380	8,067	9,133
BVPS (đồng)	15,242	17,650	20,442
EPS (đồng)	2,660	2,908	3,292
DPS (đồng)	1,000	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	22.2	14.9	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	5.21	16.3	14.8
Tăng trưởng EPS (%)	15.7	9.31	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	100	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	37.6	17.2	15.2
ROAE (%)	18.5	17.7	17.3
ROAA (%)	1.60	1.51	1.53
Tỷ lệ NIM (%)	3.18	3.22	3.34
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	33.7	33.3
Hệ số CAR (%)	13.6	13.3	13.0
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.28	1.40	1.45
LLR/nợ xấu (%)	92.7	111	108
Hệ số LDR (%)	110	109	107
P/B (lần)	1.07	0.92	0.79
P/E (lần)	6.11	5.59	4.94
Lợi suất cổ tức (%)	6.15	3.08	3.08

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q1/2026: Lợi nhuận đi ngang, áp lực chất lượng tài sản gia tăng

- TPB đã công bố LNTT Q1/2026 đạt 2.106 tỷ đồng, đi ngang so với quý trước, do thu nhập lãi thuần sụt giảm và chi phí hoạt động gia tăng, mặc dù chi phí dự phòng thấp. LNTT chỉ hoàn thành 21% dự báo cả năm 2026 và thấp hơn dự báo Q1 của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng 3,3% kể từ đầu năm trong khi tiền gửi khách hàng giảm 4,3% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM thu hẹp 34 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,92% do chi phí huy động tăng lên và tỷ lệ nợ xấu tăng 56 điểm cơ bản lên 1,85%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 2% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,92 lần, thấp hơn 29% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,29 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho TPB.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

TPB đã báo cáo LNTT Q1/2026 đạt 2.106 tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ, hoàn thành 21% dự báo năm 2026 và 20% kế hoạch cả năm của Ngân hàng nhưng thấp hơn dự báo Q1 của chúng tôi chủ yếu do thu nhập lãi thuần sụt giảm và chi phí hoạt động tăng cao, mặc dù đã trích lập dự phòng ở mức thấp.

Tín dụng tăng trưởng vừa phải trong khi tiền gửi sụt giảm trong Q1

Tín dụng tăng trưởng 2,7% kể từ đầu năm đạt 318,7 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2026. Tín dụng bán lẻ chỉ tăng 1,7% kể từ đầu năm nhưng vẫn đóng góp lớn nhất, tương đương khoảng 47,4% tổng dư nợ. Trong khi đó, dư nợ TPCP giảm xuống 2,7 nghìn tỷ đồng từ 4,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2026, TPB

LNTT Q1/2026 của TPB hoàn thành 21% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi

	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026 HSCF	Q1/26 sv HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,384	3,460	2.2%	15,796	21.9%
Thu nhập ngoài lãi	1,099	1,440	31.0%	6,284	22.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	910	1,252	37.6%	4,768	26.3%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	(17)	(29)	69.8%	694	-4.2%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	102	115	12.7%	300	38.3%
Thu nhập khác	105	270	158.0%	500	54.0%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0		22	
Tổng thu nhập HĐ	4,482	4,899	9.3%	22,080	22.2%
Chi phí HĐ	(1,884)	(2,247)	19.2%	(7,440)	30.2%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,598	2,653	2.1%	14,640	18.1%
Chi phí dự phòng	(490)	(547)	11.7%	(4,556)	12.0%
LNTT	2,109	2,106	-0.1%	10,084	20.9%
Lợi nhuận thuần	1,687	1,682	-0.3%	8,067	20.9%

Nguồn: TPB, HSC

Về phía huy động, tiền gửi khách hàng giảm 4,3% kể từ đầu năm xuống 267 nghìn tỷ đồng, có thể do tốc độ điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi chậm. Trong Q1, chi phí huy động của TPB chỉ tăng 19 điểm cơ bản so với quý trước, so với mức tăng bình quân 38 điểm cơ bản so với quý trước của NHTM tư nhân khác. Để bù đắp tiền gửi sụt giảm, Ngân hàng đã tăng cường vay liên ngân hàng (tăng 19,7% kể từ đầu năm) và tiếp tục phát hành giấy tờ có giá, tăng 1,4% kể từ đầu năm.

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm từ 19,9% tại thời điểm cuối năm 2025 xuống 17,4% tại thời điểm cuối Q1/2026, cho thấy khách hàng đang chuyển từ tiền gửi không kỳ hạn lãi suất thấp sang tiền gửi có kỳ hạn lãi suất cao hơn.

Tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể

Tỷ lệ NIM Q1/2026 giảm 34 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 74 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 2,92%, từ 3,26% trong Q4/2025, do lợi suất tài sản giảm 15 điểm cơ bản so với quý trước, mặc dù tăng 51 điểm cơ bản so với cùng kỳ, đạt 7,87%, trong khi chi phí huy động tăng 19 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 127 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 5,08%. Chúng tôi cho rằng tỷ lệ NIM/lợi suất gộp thu hẹp do nợ xấu tăng mạnh khiến Ngân hàng tạm ngừng ghi nhận thu nhập lãi từ các khoản vay này.

Từ đó, thu nhập lãi thuần Q1/2026 chỉ tăng 2% so với cùng kỳ lên 3.460 tỷ đồng, hoàn thành 22% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ dịch vụ hỗ trợ thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi tăng 31% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 38% so với cùng kỳ lên 1.252 tỷ đồng. Cụ thể hơn, thu nhập phí khác tăng mạnh lên 1.414 tỷ đồng (tăng 99% so với cùng kỳ) nhờ đóng góp từ dịch vụ cho vay số, trong khi thu nhập từ dịch vụ thanh toán giảm 53% so với cùng kỳ xuống 199 tỷ đồng.

Lãi mua bán trái phiếu tăng 13% so với cùng kỳ lên 115 tỷ đồng trong khi thu nhập khác tăng 158% so với cùng kỳ lên 270 tỷ đồng. Ngược lại, HĐ kinh doanh ngoại hối lỗ 29 tỷ đồng so với lỗ 17 tỷ đồng trong Q1/2025.

Chi phí hoạt động tăng mạnh

Chi phí hoạt động tăng 19,2% so với cùng kỳ lên 2.247 tỷ đồng trong Q1/2026, nâng hệ số CIR lên 46% từ mức nền rất thấp 23% trong Q4/2025 nhưng cao hơn bình quân 3 năm ở mức 35-36%.

Trong đó, chi phí nhân sự tăng 29% so với cùng kỳ (tăng 196% so với mức nền thấp trong Q4/2025) lên 1.626 tỷ đồng, có thể do chi trả tiền thưởng cũng như bổ sung thêm đội ngũ nhân viên từ ORS, trong khi chi phí liên quan đến tài sản tăng 23% so với cùng kỳ lên 298 tỷ đồng. Số lượng nhân viên giảm nhẹ xuống 7.821 người, giảm 1,8% so với quý trước từ 7.959 người tại thời điểm cuối Q4/2025.

Chúng tôi cho rằng hệ số CIR trong Q1/2026 là mức nền cao thay vì khởi đầu xu hướng tăng dài hạn của áp lực chi phí và kỳ vọng hệ số này sẽ trở lại bình thường kể từ Q2/2026.

Chất lượng tài sản suy yếu; trích lập dự phòng chậm

Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,29% tại thời điểm cuối năm 2025 lên 1,85% tại thời điểm cuối Q1/2026. Đáng chú ý, nợ nhóm 3 tăng gần gấp đôi so với quý trước lên 2.069 tỷ đồng, trong khi nợ nhóm 5 tăng 79% so với quý trước lên 2.459 tỷ đồng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm từ 92% xuống 68%, cho thấy độ bao phủ thấp hơn trong bối cảnh chất lượng tài sản suy yếu.

Nợ xấu được xử lý hạn chế ở mức 180 tỷ đồng trong Q1/2026 so với 1.367 tỷ đồng trong Q4/2025 và 198 tỷ đồng trong Q1/2025.

Chi phí dự phòng chỉ tăng 11,7% so với cùng kỳ lên 547 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 12% dự báo cả năm 2026 và thấp hơn dự báo Q1 của chúng tôi.

Ngoài ra, “các khoản phải thu khác” tăng gần gấp đôi so với quý trước lên 20,4 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 3,9% tổng tài sản, từ 11,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025, mà không có thêm thông tin công bố từ Ngân hàng. Mặc dù điều này có thể không liên quan đến các tài sản liên quan đến ORS (gần như đi ngang so với quý trước trong Q1/2026), chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi khoản mục này để đánh giá khả năng cần trích lập dự phòng bổ sung.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào

Nhìn chung, KQKD Q1/2026 của TPB thấp hơn so với dự báo của chúng tôi với lợi nhuận thuần không đạt kỳ vọng và tỷ lệ nợ xấu tăng cao.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 2% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,92 lần, thấp hơn 29% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,29 lần. Trong khi định giá có vẻ hấp dẫn, nền tảng cơ bản nhiều khả năng sẽ cần thời gian để hồi phục trước khi được định giá lại.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho TPB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	25,948	30,747	38,426	44,113	50,753
Chi phí lãi	(13,042)	(17,379)	(22,630)	(25,652)	(29,595)
Thu nhập lãi thuần	12,905	13,368	15,796	18,461	21,158
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,364	4,158	4,768	5,352	6,000
Lãi thuần HĐ KDNH	319	694	694	694	694
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1,096	168	300	320	440
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.04	128	22.5	22.0	22.0
Thu nhập khác	354	462	500	500	400
Tổng thu nhập HĐ	18,037	18,978	22,080	25,349	28,714
Chi phí HĐ	(6,278)	(6,573)	(7,440)	(8,435)	(9,578)
LN trước dự phòng	11,759	12,404	14,640	16,914	19,136
Chi phí dự phòng	(4,159)	(3,201)	(4,556)	(5,498)	(5,809)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	7,600	9,203	10,084	11,416	13,327
Chi phí thuế TNDN	(1,526)	(1,823)	(2,017)	(2,283)	(2,665)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,074	7,380	8,067	9,133	10,662
EPS (đồng)	2,299	2,660	2,908	3,292	3,843
DPS (đồng)	500	1,000	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,774	2,774	2,774	2,774

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,293	1,705	1,217	1,963	2,919
Tiền gửi tại NHNN	22,708	20,460	24,277	29,541	35,146
Tiền gửi tại các TCTD khác	70,521	103,388	108,558	113,986	119,685
Chứng khoán kinh doanh	0	2,098	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	333	333	333	333
Số dư cho vay thuần	248,005	303,272	347,352	399,262	455,858
Tổng dư nợ cho vay	251,104	306,922	352,805	405,570	462,203
Dự phòng rủi ro	(3,098)	(3,649)	(5,454)	(6,308)	(6,345)
Chứng khoán đầu tư	59,472	51,613	58,439	66,249	75,129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	59,549	52,051	58,920	66,729	75,610
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(122)	(438)	(481)	(481)	(481)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,222	1,213	1,273	1,337	1,404
Tài sản khác	14,807	21,789	20,699	18,008	16,568
Tổng tài sản	418,028	505,871	562,149	630,679	707,042
Nợ phải trả	380,432	459,853	509,451	570,235	637,323
Tiền gửi của NHNN	238	1,642	1,970	2,364	2,837
Tiền gửi của các TCTD khác	94,514	112,055	110,935	109,825	108,727
Tổng tiền gửi KH	242,806	279,050	323,698	378,727	439,323
Trái phiếu và CCTG	36,633	58,825	64,708	71,178	78,296
Nợ khác	6,016	8,140	8,140	8,140	8,140
Vốn chủ sở hữu	37,596	42,284	48,963	56,709	65,984
Vốn điều lệ	26,420	27,740	27,741	27,741	27,741
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	7,455	9,607	15,077	21,453	29,129
Quỹ & vốn khác của CSH	3,722	4,936	6,145	7,515	9,115
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	3,734	3,735	3,735	3,735
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	418,028	505,871	562,149	630,679	707,042
BVPS (đồng)	14,230	15,242	17,650	20,442	23,786

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	17.2	21.0	11.1	12.2	12.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	22.3	22.2	14.9	15.0	14.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.6	14.9	16.0	17.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	20.2	20.9	15.0	15.8	15.1
Tăng trưởng VCSH (%)	14.8	12.5	15.8	15.8	16.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	3.87	3.58	18.2	16.9	14.6
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	(6.28)	4.71	13.2	13.4	13.6
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	23.3	5.48	18.0	15.5	13.1
Tăng trưởng LNTT (%)	36.0	21.1	9.57	13.2	16.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	36.1	21.5	9.31	13.2	16.7

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.66	4.11	4.13	4.25	4.29
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.62)	(1.42)	(1.39)	(1.41)	(1.43)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	90.8	91.1	91.8	92.6	92.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.33	2.43	2.80	3.18	3.57
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	50.2	61.0	66.7	75.5	88.1

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.07	6.11	5.59	4.94	4.23
P/B (lần)	1.14	1.07	0.92	0.79	0.68
Lợi suất cổ tức (%)	3.08	6.15	3.08	3.08	3.08

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	33.7	38.9	36.5	36.0	37.1
ROAA (%)	1.57	1.60	1.51	1.53	1.59
ROAE (%)	17.3	18.5	17.7	17.3	17.4
Chi phí huy động BQ (%)	3.78	4.21	4.75	4.82	4.97
Lợi suất góp BQ (%)	7.38	7.31	7.84	7.99	8.18
Lợi suất thuần (%)	3.61	3.10	3.09	3.16	3.21
Tỷ lệ NIM (%)	3.67	3.18	3.22	3.34	3.41
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	18.6	21.9	21.6	21.1	20.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.5	70.4	71.5	72.8	73.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.80	7.65	6.87	6.06	5.42
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	34.6	33.7	33.3	33.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.7	37.6	17.2	15.2	13.0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.2	13.6	13.3	13.0	12.3
VCSH/Tổng TS (%)	8.99	8.36	8.71	8.99	9.33
Đòn bẩy vốn (lần)	11.1	12.0	11.5	11.1	10.7

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.51	1.28	1.40	1.45	1.31
Hệ số LLR (%)	81.5	92.7	111	108	105

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	110	109	107	105
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.3	24.9	22.2	19.6	17.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	60.1	60.7	62.8	64.3	65.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,732	7,810	7,888	7,967	8,046

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn